

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012



Hà Nội -Tháng 5 năm 2013

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4 - 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán hợp nhất	8 - 9
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	10
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 29

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 (sau đây gọi là “Tổng Công ty”) là đơn vị hạch toán độc lập trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải, được thành lập theo Quyết định số 4897/QĐ/TCCB-LD ngày 27/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Tổng Công ty được chuyển đổi theo mô hình Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 theo Quyết định số 1761/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Tổng Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108247 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 29/10/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02/4/2013. Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 501.283.000.000 đồng.

Tên tiếng nước ngoài: Civil Engineering Construction Corporation 8.

Tên viết tắt: CIENCO 8.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: số 18 phố Hồ Đắc Di, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Các công ty con của Tổng Công ty

Stt	Công ty	Ngành nghề	% sở hữu thực tế	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
1	Công ty Cổ phần 809	Xây dựng	45,32	1.531.500.000	1.531.500.000
2	Công ty Cổ phần 810	Xây dựng	51,00	9.443.800.000	9.443.800.000
3	Công ty Cổ phần 820	Xây dựng	48,75	6.085.000.000	6.085.000.000
4	Công ty TNHH MTV 829	Xây dựng	97,73	10.230.228.064	10.230.228.064
5	Công ty Cổ phần 842	Xây dựng	74,38	6.000.000.000	6.000.000.000
6	Công ty Cổ phần 873	Xây dựng	91,85	16.062.000.000	16.062.000.000
7	Công ty Cổ phần 874	Xây dựng	54,80	6.576.000.000	6.576.000.000
8	Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông 875	Xây dựng	100,00	3.643.427.722	3.643.427.722
9	Công ty Cổ phần 889	Xây dựng	50,94	3.656.700.000	3.656.700.000
10	Công ty TNHH MTV Công trình Giao thông 892	Xây dựng	100,00	5.571.586.125	5.571.586.125
11	Công ty TNHH MTV Cầu 75	Xây dựng	100,00	7.172.042.190	7.172.042.190
12	Công ty LD Miền Trung	Xây dựng	77,04	2.449.750.000	-
13	Công ty Cổ phần Miền Tây	Xây dựng	58,27	3.250.000.000	3.250.000.000
14	Công ty Cổ phần Tư vấn 8	Tư vấn	51,23	2.688.000.000	2.688.000.000
15	Công ty CP Xây dựng Giao thông Việt Lào	Xây dựng	51,09	3.832.000.000	3.832.000.000
16	Công ty Liên doanh Công trình Hữu Nghị	Xây dựng	99,34	-	-
Tổng				88.192.034.101	85.742.284.101

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng thành viên	Ông Đỗ Thái Hưng	Chủ tịch
	Ông Vũ Hải Thanh	Thành viên
	Ông Nguyễn Xuân Thịnh	Thành viên (Nghỉ hưu từ ngày 30/6/2012)
	Ông Nguyễn Văn Đẩu	Thành viên (Nghỉ hưu từ ngày 30/6/2012)
	Ông Trần Huy Hoàng	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/7/2012)
	Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/7/2012)
	Ông Trần Tuấn Anh	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 17/7/2012)

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Hải Thanh
Ông Dương Văn Toàn
Ông Chu Văn Thiệu
Ông Mai Ngọc Phát
Ông Trần Huy Hoàng

Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc
Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

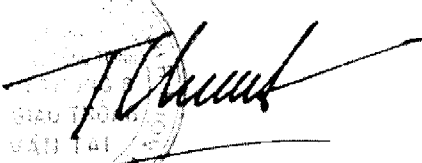
Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất để Báo cáo tài chính hợp nhất không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



Vũ Hải Thanh
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013

Số. 410/2013/BCKT-BCTCHN/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 15/5/2013 của Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 (gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày từ trang 08 đến trang 29 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ Kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán viên khác kiểm toán; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 16/4/2012 có dạng ý kiến hạn chế: Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến về tình hình tài chính, không đưa ra ý kiến về giá trị quyết toán vốn đầu tư công trình hoàn thành; không tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định và hàng tồn kho, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại các đơn vị thành viên Tổng Công ty; các nghiệp vụ nội bộ phát sinh, số dư giữa các đơn vị thành viên không được loại trừ hết; không thực hiện kiểm toán tất cả các đơn vị thành viên; không đưa ý kiến về một số đơn vị thành viên mà Kiểm toán viên không trực tiếp thực hiện kiểm toán; Báo cáo của Công ty mẹ không được kiểm toán đầy đủ đối với các đơn vị thành viên; một số công nợ phải thu, phải trả chưa được đối chiếu đầy đủ; chưa phân tích tuổi nợ và lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi; giá trị khoản mục tạm ứng phần lớn là các khoản tạm ứng cho các đội thi công chưa được kiểm kê, quyết toán kịp thời để phản ánh vào Báo cáo tài chính của các đơn vị có liên quan; một số đơn vị thành viên chưa kiểm kê khối lượng xây lắp dở dang, đánh giá mức độ hoàn thành để có cơ sở xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2011; giá vốn xây lắp tại một số đơn vị chưa được kết chuyển phù hợp; số liệu phát sinh tại Lào của Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông Việt Lào chưa được kiểm toán; Công ty Cổ phần 873 không đủ cơ sở và tài liệu hợp lý để hạch toán ghi nhận tăng vốn Nhà nước còn thiếu; một số Công ty trích khấu hao chưa phù hợp; một số khoản chi phí tại một số đơn vị thành viên chưa được kết chuyển vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh gồm chi phí hoạt động, chi phí lãi vay; nhiều khoản chi phí lãi vay, lãi phạt chậm trả chưa được phản ánh đầy đủ tại báo cáo một số đơn vị; tại Công ty 892 một số công trình còn giá trị dở dang nhưng hết doanh thu; tại Công ty 829 toàn bộ doanh thu, chi phí tài chính chưa được phản ánh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; một số công ty ghi nhận thiếu chi phí hoạt động và chi phí phạt thuế.

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính năm 2012 đã được kiểm toán của Công ty mẹ và 16 Công ty con. Trong đó, Báo cáo tài chính Công ty mẹ và các Công ty con được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM), ngoại trừ các công ty con bao gồm: Công ty Cổ phần 810, Công ty Cổ phần 842, Công ty Cổ phần 873, Công ty Cổ phần 874, Công ty Cổ phần Tư vấn 8, Công ty Liên doanh Công trình Hữu Nghị được kiểm toán bởi doanh nghiệp kiểm toán khác.

Hạn chế phạm vi kiểm toán

Chúng tôi không tham gia quan sát công tác kiểm kê tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 tại Công ty mẹ và một số đơn vị thành viên, do vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đầy đủ của khoản mục tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Tổng Công ty.

Tổng Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ phải thu, phải trả tại thời điểm 31/12/2012. Chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán để xem xét các sổ dư này, tuy nhiên chúng tôi chưa có được đầy đủ các bằng chứng cần thiết, do vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về số liệu của các sổ dư chưa có đối chiếu cũng như các ảnh hưởng (nếu có) của chúng tới các khoản mục khác và các thông tin có liên quan được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

Tổng Công ty chưa đánh giá khả năng thu hồi và xem xét việc trích lập dự phòng các khoản công nợ phải thu khó thu hồi. Theo quan điểm của Tổng Công ty, thời điểm 30/6/2013 Công ty mẹ phải thực hiện cổ phần hóa theo quyết định của Bộ Giao thông Vận tải, khi đó phải đối chiếu 100% công nợ, mọi khoản trích lập dự phòng phải được hoàn nhập, nên thời điểm 31/12/2012 Tổng Công ty cũng không thực hiện trích.

Tổng Công ty chưa thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình giao thông 875 và Công ty TNHH MTV Xây dựng Công trình giao thông 892 vào Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty vì Tổng Công ty cho rằng 2 đơn vị nêu trên đang trong quá trình cổ phần hóa riêng biệt, điều này có sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và các khoản đầu tư vào Công ty con.

Một số đơn vị thành viên kết chuyển giá vốn chưa theo phương pháp nhất quán để xác định chi phí phát sinh phù hợp với doanh thu ghi nhận: Công ty TNHH MTV Xây dựng Cầu 75, Công ty CP XDCTGT Việt Lào, Công ty 809, Công ty CP Xây dựng Miền Tây, Công ty CP XDCTGT 889, Công ty CP XDCTGT 820, Công ty 874. Do vậy chúng tôi không đủ cơ sở để đưa ra ý kiến về khoản mục này cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

Chúng tôi không tiến hành các thủ tục kiểm toán liên quan đến doanh thu, giá vốn các khoản phải thu, phải trả của hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tại Nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào tại Công ty CP XDCTGT Việt Lào, do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại Lào và các ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục đang trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Tổng Công ty.

Tổng Công ty và một số đơn vị thành viên đã thực hiện điều chỉnh số liệu theo Biên bản của Kiểm toán Nhà nước về Báo cáo tài chính năm 2011 vào số liệu tài chính năm 2012, việc điều chỉnh này chưa phù hợp với quy định tại Chuẩn mực Kế toán số 29 "Thay đổi chính sách, ước tính và các sai sót". Do vậy chúng tôi không đưa ra ý kiến về sự ảnh hưởng này tới Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Tổng Công ty.

Tại Công ty Liên doanh Miền Trung: chúng tôi không thể thực hiện các thủ tục cần thiết do hạn chế về mặt tài liệu để kiểm toán khoản mục đầu tư ngắn hạn là khoản hợp tác kinh doanh với Công ty Cổ phần 2/9 ngày 25 tháng 12 năm 2002 với tổng vốn đầu tư đến ngày 31/12/2012 là 2.774.278.424 đồng. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản mục này và ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Tổng Công ty.

Hạn chế trong xử lý kế toán

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 ra Quyết định số 215/QĐ-TCT8 ngày 19/05/2010 về việc sáp nhập nguyên trạng Chi nhánh phía Nam vào Ban điều hành các dự án Phía Nam. Theo đó, Ban Điều hành các dự án Phía Nam có trách nhiệm tiếp nhận nguyên trạng cơ sở vật chất, máy móc thiết bị, vốn, tài sản... của Chi nhánh phía Nam và thực hiện cộng hợp vào Báo cáo tài chính của Ban Điều hành Phía Nam. Số liệu bàn giao chưa được thực hiện kiểm kê tài sản cố định hữu hình và Ban Điều hành Phía Nam chỉ ghi nhận tăng tài sản cố định và không tính khấu hao đối với khoản phát sinh này từ khi nhận bàn giao. Đồng thời, số liệu bàn giao của Chi nhánh phía Nam chưa được xử lý và còn tồn tại ngày 31/12/2012 gồm số dư hàng tồn kho là 3.697.960.999 đồng, Chi phí trả trước ngắn hạn là 14.326.530.252 đồng, chi phí trả trước dài hạn là 1.774.274.620 đồng, tạm ứng là 679.878.439 đồng. Do chưa có quyết định xử lý các số liệu bàn giao nêu trên, nên chúng tôi chưa đánh giá được ảnh hưởng của các số liệu bàn giao từ năm 2009 của Chi nhánh phía Nam đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Tổng Công ty.

Chi phí sản xuất kinh doanh của một số công trình đã hết doanh thu hoặc không có khả năng ghi nhận doanh thu: Tại Công ty Vật tư và Xây dựng Công trình với số tiền là 12.633.799.930 đồng trên tài khoản phải thu khác, tại Công ty 889 là 9,6 tỷ đồng trên tài khoản chi phí sản xuất kinh doanh dở dang. Đến thời điểm hiện tại, Tổng Công ty chưa thực hiện xử lý tài chính đối với số dư này, do đó chúng tôi chưa đánh giá được ảnh hưởng của các khoản chi phí này đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Tổng Công ty.

Một số đơn vị thành viên hạch toán thiếu chi phí trong năm 2012: Công ty Cổ phần XDCTGT 810 chưa hạch toán một phần chi phí thuê đất, chưa hạch toán khoản nộp phạt bảo hiểm xã hội vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Công ty CP XDCTGT Việt Lào thiếu chi phí lãi vay là 5,9 tỷ đồng, thiếu chi phí tiền BHXH và tiền lãi chậm nộp là 816 triệu đồng; Công ty 873 thiếu chi phí lãi vay và lãi chậm trả số tiền 2,6 tỷ đồng; Công ty CP Xây dựng Miền Tây thiếu chi phí lãi vay; Công ty LD Miền Trung thiếu chi phí lãi vay tổng số tiền 2,7 tỷ đồng, thiếu chi phí BHXH và lãi chậm nộp BHXH, lãi chậm nộp thuế số tiền 1,1 tỷ đồng; Công ty Cổ phần 842 thiếu lãi vay số tiền 3,59 tỷ đồng, Công ty 874 thiếu lãi vay.

Tại Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông Việt Lào: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số công trình có tổng giá trị sản lượng dở dang theo biên bản kiểm kê thấp hơn giá trị theo sổ kế toán với số tiền là 41.731.367.986 đồng, giá trị vật tư đã bị thiếu hụt so với tồn kho trên sổ kế toán với giá trị 67.199.907 đồng đang được theo dõi trên tài khoản Phải thu khác được điều chỉnh theo Biên bản Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Kiểm toán Nhà nước. Tại Công ty Cổ phần 820: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của một số công trình có tổng giá trị sản lượng dở dang theo biên bản kiểm kê thấp hơn theo sổ kế toán với số tiền là 22.571.089.638 đồng, giá trị vật tư đã bị thiếu hụt so với tồn kho trên sổ kế toán với giá trị 803.101.936 đồng đang được theo dõi trên Tài khoản Tài sản thiếu chờ xử lý theo yêu cầu điều chỉnh của Kiểm toán Nhà nước. Đến thời điểm hiện tại, Công ty chưa xử lý tài chính đối với số dư này, do đó chúng tôi chưa đánh giá được ảnh hưởng của các khoản chi phí này đến Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Tổng Công ty.

Chúng tôi đối với chi phí trích trước: Công ty Cổ phần 809 chi phí trích trước từ năm 2010 chưa có chứng từ hoàn trả là 1,8 tỷ đồng.

Một số đơn vị thành viên chưa kết chuyển hết chi phí vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, chi phí còn để trên tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn: Công ty 809 thiếu chi phí hoạt động 161,7 triệu đồng; chi phí hoạt động tại Công ty 873 là 3,8 tỷ đồng; Công ty 829 hạch toán doanh thu, chi phí tài chính và tiền phạt chậm nộp thuế qua tài khoản chi phí trả trước ngắn hạn, không phản ánh vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, số dư chi phí chưa kết chuyển hết là 1,1 tỷ đồng, chưa kết chuyển đầy đủ giá vốn với số tiền là 11,2 tỷ đồng; Công ty Miền Trung chưa kết chuyển 3,6 tỷ đồng; chưa kết chuyển chi phí là 18,8 tỷ đồng; Công ty 842 chưa kết chuyển chi phí hoạt động 1,6 tỷ đồng.

Tại Công ty 889 thực hiện bù trừ số dư công nợ tạm ứng 18.503.540.531 đồng không cùng đối tượng khi trình bày Báo cáo tài chính dẫn tới Tổng tài sản và Tổng nguồn vốn trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 giảm đi tương ứng.

Một số Công ty trích khấu hao chưa phù hợp theo quy định hiện hành: tại Công ty Việt Lào một số tài sản không sử dụng chưa được trích khấu hao số tiền 871,5 triệu đồng; Công ty CP Xây dựng Miền Tây thiếu số tiền 629,3 triệu đồng; Công ty 874 thiếu 552 triệu đồng.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Quốc Dương
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1382/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.
Hà Nội, ngày 15 tháng 5 năm 2013

Bùi Thị Thúy
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0580/KTV

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		2.801.719.891.626	2.783.834.063.757
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	164.841.944.745	96.921.734.650
1. Tiền	111		147.846.597.523	96.921.734.650
2. Các khoản tương đương tiền	112		16.995.347.222	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		3.399.333.424	7.810.033.271
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.399.333.424	7.810.033.271
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.350.920.251.528	1.079.447.593.596
1. Phải thu khách hàng	131		596.099.474.666	521.212.574.117
2. Trả trước cho người bán	132		509.752.672.401	468.125.489.789
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		79.368.044.827	-
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	181.812.284.867	106.154.557.508
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(16.112.225.233)	(16.045.027.818)
IV- Hàng tồn kho	140	5.3	832.738.312.746	1.112.868.124.669
1. Hàng tồn kho	141		832.738.312.746	1.112.868.124.669
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		449.820.049.183	486.786.577.571
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	48.596.497.034	95.288.427.955
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		28.341.600.360	20.358.396.116
3. Thuế và các khoản khác phải thu NN	154	5.5	648.619.122	636.536.351
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.6	372.233.332.667	370.503.217.149
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250+260)	200		260.675.596.350	307.768.124.561
I Các khoản phải thu dài hạn	210		2.856.358.480	172.497.466
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		2.438.501.753	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		417.856.727	172.497.466
I. Tài sản cố định	220		139.687.137.964	169.156.590.037
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.7	105.494.296.183	134.813.517.073
- Nguyên giá	222		496.726.061.066	576.422.004.871
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(391.231.764.883)	(441.608.487.798)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	1.995.416.857	315.603.631
- Nguyên giá	228		4.106.061.575	2.148.498.839
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.110.644.718)	(1.832.895.208)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.9	32.197.424.924	34.027.469.333
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		43.744.106.859	34.789.749.371
1. Đầu tư vào công ty con	251		9.215.013.847	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		13.498.713.006	14.992.042.865
3. Đầu tư dài hạn khác	258		21.030.380.006	19.797.706.506
III. Tài sản dài hạn khác	260		74.387.993.047	103.649.287.687
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.10	74.189.870.496	100.809.929.833
3. Tài sản dài hạn khác	268		198.122.551	2.839.357.854
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		3.062.395.487.976	3.091.602.188.318

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN			31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		2.908.878.641.904	2.876.263.698.494
I- Nợ ngắn hạn	310		2.786.947.005.608	2.664.987.021.356
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	393.607.603.491	420.576.262.783
2. Phải trả người bán	312		481.029.360.935	488.450.924.354
3. Người mua trả tiền trước	313		1.044.678.186.543	905.148.066.106
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	131.403.455.077	125.600.485.362
5. Phải trả người lao động	315		47.810.248.035	53.464.277.526
6. Chi phí phải trả	316	5.13	364.935.349.464	222.867.340.787
7. Phải trả nội bộ	317		42.132.760.677	64.093.741.058
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	273.347.133.267	373.982.028.237
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		8.002.908.119	10.803.895.143
II- Nợ dài hạn	330		121.931.636.296	211.276.677.138
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		23.251.309.578	50.797.909.203
3. Phải trả dài hạn khác	333		5.503.017.751	5.472.261.474
1. Vay và nợ dài hạn	334	5.15	41.176.912.215	94.607.938.426
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		50.330.721	1.228.887.032
3. Doanh thu chưa thực hiện	338		51.950.066.031	59.169.681.003
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		145.279.543.327	178.545.697.562
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	145.279.543.327	178.545.697.562
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		145.719.879.184	121.008.060.815
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		115.254.900	115.254.900
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		19.355.441	129.130.246
3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	1.114.876.449
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		4.464.163.446	27.006.273.904
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		7.307.586.243	6.861.728.849
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		213.344.058	232.699.499
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(19.234.766.862)	18.044.013.832
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		6.674.726.917	4.033.659.068
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C- Lợi ích của Cổ đông thiểu số	439		8.237.302.745	36.792.792.262
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN				
(450 = 300+400+439)	450		3.062.395.487.976	3.091.602.188.318

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội ngày 15 tháng 5 năm 2013

Tổng Giám đốc

Trần Vĩnh Hưng

Nguyễn Văn Thành

Vũ Hải Thanh

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 01-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.571.114.738.290	1.671.689.150.623
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		15.813.580.642	2.770.816.164
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.17	1.555.301.157.648	1.668.918.334.459
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	1.462.207.599.308	1.564.568.094.406
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		93.093.558.340	104.350.240.053
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	26.507.020.010	29.508.693.488
7. Chi phí tài chính	22	5.20	79.321.461.972	30.088.674.393
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		74.104.012.734	24.180.826.956
8. Chi phí bán hàng	24		263.500.715	679.478.068
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		98.866.908.849	108.493.360.167
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		(58.851.293.186)	(5.402.579.087)
11. Thu nhập khác	31	5.21	53.884.049.775	25.050.003.139
12. Chi phí khác	32	5.22	39.402.098.231	10.758.494.420
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		14.481.951.544	14.291.508.719
14. Lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		236.492.666	5.625.464.237
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		(44.132.848.976)	14.514.393.869
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		2.258.754.711	2.935.776.345
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		(46.391.603.687)	11.578.617.524
19. Lợi ích của Cổ đông thiểu số	61		(28.567.859.761)	349.623.131
20. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ (62 = 60-61)	62		(17.823.743.926)	11.228.994.393

Người lập

Kế toán trưởng

Hà Nội ngày 15 tháng 5 năm 2013

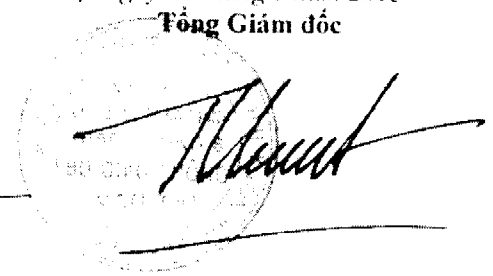
Tổng Giám đốc



Trần Vinh Hưng



Nguyễn Văn Thành



Vũ Hải Thanh

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mẫu B 03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(44.132.848.976)	14.514.393.869
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	24.463.215.419	26.844.984.214
- Các khoản dự phòng	03	1.834.058.601	14.552.399.376
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(25.864.411.908)	(1.507.959.964)
- Chi phí lãi vay	06	74.104.012.734	24.180.826.956
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	30.404.025.869	78.584.644.451
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(281.240.686.176)	(124.565.962.803)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	280.129.811.923	31.646.123.691
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(17.083.721.627)	22.654.986.685
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	73.311.990.258	8.509.056.137
- Tiền lãi vay đã trả	13	(30.845.165.220)	24.180.826.956
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	-	(891.207.091)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	5.050.248.288	4.392.825.099
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(7.118.633.905)	(8.466.169.444)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	52.607.869.410	36.045.123.681
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(6.958.627.788)	(5.454.538.369)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	9.835.519.734	10.825.411.506
2 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(708.000.000)	-
3 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của ĐV khác	24	5.118.699.847	-
4 Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(8.000.000.000)
5 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	4.000.000.000
6 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	16.028.892.174	3.310.890.446
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	23.316.483.967	4.681.763.583
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
2 Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	261.606.342.767	249.719.538.114
3 Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(272.303.505.427)	(341.167.314.978)
4 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(483.677.776)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(10.697.162.660)	(91.931.454.640)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	65.227.190.717	(51.204.567.376)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	96.921.734.650	151.465.635.701
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.693.019.378	(3.339.333.675)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	164.841.944.745	96.921.734.650

Hà Nội ngày 15 tháng 5 năm 2013

Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Trần Vinh Hưng

Nguyễn Văn Thành

Vũ Hải Thanh

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09-DN/HN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 (sau đây gọi là “Tổng Công ty”) là đơn vị hạch toán độc lập trực thuộc Bộ Giao thông Vận tải, được thành lập theo Quyết định số 4897/QĐ/TCCB-LD ngày 27/11/1995 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Tổng Công ty được chuyển đổi theo mô hình Công ty mẹ - Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 8 theo Quyết định số 1761/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông Vận tải.

Tổng Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100108247 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 29/10/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 02/4/2013. Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 501.283.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Tổng Công ty: số 18 phố Hồ Đắc Di, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, quốc phòng, điện;
- Sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, đồ mộc;
- Sửa chữa phương tiện, thiết bị thi công;
- Bán buôn, bán lẻ vật tư, thiết bị giao thông vận tải, thiết bị công nghệ tin học;
- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ, văn phòng làm việc (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ du lịch;
- Bán buôn, bán lẻ vật tư, thiết bị y tế;
- Đào tạo kỹ thuật và nghiệp vụ;
- Vận tải khách bằng xe du lịch và taxi;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ nhờn;
- Lắp ráp xe máy;
- Lắp ráp, bảo trì thang máy;
- Sản xuất, lắp ráp ốc quy các loại;
- Mua, bán thiết bị truyền thông, truyền hình;
- Xuất khẩu lao động (Hoạt động theo giấy phép số 89/LDTBXH-GP của Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội)
- Sản xuất, lắp ráp động cơ, khung và phụ tùng xe máy;
- Xây dựng nhà các loại
- Kinh doanh bất động sản
- Đầu tư các công trình, dự án giao thông theo hình thức BOT
- Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng và kiến trúc các cụm dân cư, đô thị mới;
- Đào tạo lái xe ô tô (Chỉ hoạt động sau khi cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép);
- Khảo sát địa chất công trình
- Thiết kế công trình cầu, đường bộ
- Thiết kế xây dựng công trình: nền, mặt đường, đường ô tô; bến bãi, ngầm tràn thoát nước và các công trình phụ trợ khác trên đường;
- Thiết kế công trình thủy lợi
- Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp
- Thi nghiệm vật liệu xây dựng; kiểm định chất lượng công trình;
- Xuất nhập khẩu hàng hóa Công ty kinh doanh (Doanh nghiệp chỉ hoạt động xây dựng khi đáp ứng đủ điều kiện, năng lực theo quy định của pháp luật).

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực Kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất hợp nhất các Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của Tổng Công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với Tổng Công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của Tổng Công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Công cụ tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn và các khoản phải thu khác và các khoản đầu tư khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng, các khoản phải trả khác và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng Thương mại nơi Tổng Công ty có giao dịch phát sinh. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước công bố tại thời điểm cuối năm. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2012
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	24 - 28
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 - 10
TSCĐ hữu hình khác	03 - 08

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các đơn vị mà Tổng Công ty không nắm giữ quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được phản ánh theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng việc giảm giá này là không tạm thời và không nằm trong kế hoạch của đơn vị được đầu tư. Dự phòng được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phản ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 2 năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Ghi nhận doanh thu

Hợp đồng xây dựng

Trường hợp Hợp đồng xây dựng quy định Tổng Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Tổng Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Việc xác định doanh thu của Hợp đồng xây dựng chịu tác động của nhiều yếu tố không chắc chắn vì chúng tùy thuộc vào các sự kiện xảy ra trong tương lai. Việc ước tính thường phải sửa đổi khi các sự kiện đó phát sinh và các yếu tố không chắc chắn được giải quyết.

Đối với doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

Đối với doanh thu thương mại

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	18.999.805.945	16.450.428.625
Tiền gửi Ngân hàng	128.846.791.578	79.166.094.017
Tiền đang chuyển	-	1.305.212.008
Các khoản tương đương tiền	16.995.347.222	-
Tổng	164.841.944.745	96.921.734.650

5.2 Các khoản phải thu khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu cổ phần hóa	5.089.126.412	3.782.958.205
Lương chi vượt theo BB thanh tra thuế	-	3.545.278.641
Tài sản thiếu chờ xử lý	9.947.517.445	1.033.379.029
Dự án G1 - Vĩnh Long	5.553.342.291	48.345.630.871
BĐH Liên danh gói thầu PK1A	7.446.101.293	4.300.790.785
BĐH Liên danh gói thầu PK1C	22.748.048.151	8.697.725.770
BĐH Liên danh gói thầu số 3 DA vành đai 3 GD2	574.471.703	1.391.204.274
BĐH Dự án nhà ga T2 Nội Bài	3.904.881.995	1.220.574.505
Công ty Vật tư Xây dựng Công trình	12.633.799.930	-
Thu tiền bán cổ phần	2.289.607.000	2.342.393.000
Công ty Xây dựng Công trình Giao thông 838	-	150.000.000
Công ty CP Hồng Hà	-	1.640.879.000
Phải thu các công trình, các đội	65.096.327.432	6.889.959.479
Phải thu tiền thuê đất các hộ dân	373.760.600	-
Thuế GTGT chưa có HD	222.651.395	1.768.650.117
Các khoản chi phí chờ xử lý	91.747.032	-
Công ty 323	-	56.535.396
Phải thu người lao động	1.173.768.929	886.181.843
BĐH Liên danh PK2 Hà Nội - Thái Nguyên	-	1.213.857.767
Phạm Văn Lực	-	1.239.746.958
Lãi cho vay, tiết kiệm	204.676.000	-
Phải thu kinh phí công đoàn	142.537.586	293.863.221
Phải thu theo chế độ	1.452.627.484	-
Phải thu khác	42.867.292.189	17.354.948.647
Tổng	181.812.284.867	106.154.557.508

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	39.218.012.058	40.505.641.266
Công cụ, dụng cụ	3.724.947.815	3.709.758.389
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	787.943.296.347	1.066.659.179.603
Thành phẩm	1.852.056.526	146.320.618
Hàng hoá	-	1.847.224.793
Tổng	832.738.312.746	1.112.868.124.669

5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.659.586.284	-
Chi phí bảo lãnh các công trình	7.912.432.582	2.853.105.067
Chi phí công cụ dụng cụ	11.205.935.415	8.627.453.330
Chi phí lãi, quản lý vay chờ phân bổ	8.948.990.414	25.721.512.565
Chi phí công trình chờ bù giá	879.561.383	879.561.383
Chi phí chờ kết chuyển	14.326.530.252	57.206.795.610
Chi phí khác	2.663.460.704	-
Tổng	48.596.497.034	95.288.427.955

5.5 Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng tạm nộp tại CN HCM	230.973.195	463.120
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	121.226.165	99.824.502
Các khoản khác phải thu Nhà nước	296.419.762	536.248.729
Tổng	648.619.122	636.536.351

5.6 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	55.702.763.295	15.821.085.202
Tạm ứng	311.290.157.599	340.232.791.586
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	5.240.411.773	14.449.340.361
Tổng	372.233.332.667	370.503.217.149

TONG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8
Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MÀU B 09-DN/11N

5.7 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND						
Năm 2012	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng
Nguyên giá						
Tại 01/01	81.569.373.786	398.897.444.190	61.062.025.868	17.987.669.106	16.905.491.921	576.422.004.871
Tăng trong năm	1.154.756.516	5.939.965.990	6.654.793.320	1.055.948.716	181.251.641	14.986.716.183
Mua mới	300.000.000	2.897.263.686	5.490.567.309	976.923.681	181.251.641	9.846.006.317
XDCB hoàn thành	854.756.516	-	-	-	-	854.756.516
Phân loại lại tài sản	-	3.042.702.304	659.153.011	79.025.035	-	3.780.880.350
Tăng khác	-	-	505.073.000	-	-	505.073.000
Giảm trong năm	12.918.515.876	65.810.834.353	10.517.864.138	2.588.702.503	2.846.743.118	94.682.659.988
Phân loại lại tài sản	404.071.094	-	187.266.000	204.499.999	2.246.865.211	3.042.702.304
Thanh lý nhượng bán	9.963.067.880	30.524.968.572	3.816.544.113	1.070.748.148	563.211.241	45.938.539.954
Giảm khác	-	2.302.578.194	539.646.499	1.122.246.373	36.666.666	4.001.137.732
Điều chỉnh khác (*)	2.551.376.902	32.983.287.587	5.974.407.526	191.207.983	-	41.700.279.998
Tại 31/12	69.805.614.426	339.026.575.827	57.198.955.050	16.454.915.319	14.240.000.444	496.726.061.066
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại 01/01	42.845.732.087	316.630.872.056	55.579.686.914	12.877.364.616	13.674.832.125	441.608.487.798
Tăng trong năm	2.812.142.952	19.334.054.594	4.032.847.116	992.785.858	412.442.068	27.584.272.588
Khấu hao	2.812.142.952	17.381.734.037	2.860.833.475	939.464.632	412.442.068	24.406.617.164
Phân loại lại tài sản	-	1.952.320.557	885.649.841	53.321.226	-	2.891.291.624
Tăng khác	-	-	286.363.800	-	-	286.363.800
Giảm trong năm	5.257.617.224	59.122.328.518	8.878.035.702	2.405.778.162	2.297.235.897	77.960.995.503
Thanh lý, nhượng bán	3.354.743.452	29.997.610.495	3.715.832.003	1.061.956.427	563.211.241	38.693.353.618
Phân loại lại tài sản	-	-	140.176.384	120.250.383	1.691.893.790	1.952.320.557
Giảm khác	-	2.262.194.808	554.191.499	1.092.279.047	42.130.866	3.950.796.220
Điều chỉnh khác (*)	1.902.873.772	26.862.523.215	4.467.835.816	131.292.305	-	33.364.525.108
Tại 31/12	40.400.257.815	276.842.598.132	50.734.498.328	11.464.372.312	11.790.038.296	391.231.764.883
Giá trị còn lại						
Tại 01/01	38.723.641.699	82.266.572.134	5.482.338.954	5.110.304.490	3.230.659.796	134.813.517.073
Tại 31/12	29.405.356.611	62.183.977.695	6.464.456.722	4.990.543.007	2.449.962.148	105.494.296.183

(*) : là nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế tại đầu kỳ của Công ty 875 và Công ty 892 không được cộng hợp trong Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/HN

5.8 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Năm 2012	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng
Nguyên giá				
Số dư tại 01/01	1.155.607.839	93.413.000	899.478.000	2.148.498.839
Tăng trong năm	1.957.562.736	-	-	1.957.562.736
Tăng khác	1.957.562.736			1.957.562.736
Giảm trong năm	-	-	-	-
Số dư tại 31/12	3.113.170.575	93.413.000	899.478.000	4.106.061.575
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư tại 01/01	906.494.779	75.880.946	850.519.483	1.832.895.208
Tăng trong năm	22.302.510	5.697.000	39.750.000	67.749.510
Khấu hao trong năm	11.151.255	5.697.000	39.750.000	56.598.255
Tăng khác	11.151.255			11.151.255
Giảm trong năm	(210.000.000)	-	-	(210.000.000)
Giảm khác	(210.000.000)			(210.000.000)
Số dư tại 31/12	1.138.797.289	81.577.946	890.269.483	2.110.644.718
Giá trị còn lại				
Tại 01/01/2012	249.113.060	17.532.054	48.958.517	315.603.631
Tại 31/12/2012	1.974.373.286	11.835.054	9.208.517	1.995.416.857

5.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

<i>Chi tiết theo công trình</i>	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Mua sắm TSCĐ	8.997.986	-
Cải tạo nhà điều hành sản xuất tầng 5	881.239.000	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	1.848.997.343	2.024.879.534
Xây dựng dây chuyền nghiền sàng	2.810.372.351	-
Chi phí quyền sử dụng lô đất tại Long An	2.325.277.273	2.056.556.262
Công trình nhà điều hành Mai Dịch	4.966.344.203	4.969.285.748
Công trình trường trung cấp nghề	19.113.204.432	17.616.692.483
Công trình nhà ở PK1A	-	1.064.108.332
Chi phí sửa chữa khác	242.992.336	6.295.946.974
Tổng	32.197.424.924	34.027.469.333

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.10 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	13.001.744.656	7.895.923.827
Tiền thuê VP	18.000.000	-
Chi phí sửa chữa lớn	1.421.907.815	-
Chi phí chờ kết chuyển	1.738.621.003	7.262.303.710
Chi phí lãi vay chờ phân bổ	4.048.970.304	11.595.971.304
Chi phí bảo lãnh công trình	49.299.599.665	47.030.828.325
Lợi thế kinh doanh do XD GTDN	-	131.300.000
Chi phí quản lý VP Công ty	-	176.704.334
Chi phí thuê hoạt động TSCĐ	-	215.878.851
Chi phí trả trước dài hạn khác	4.661.027.053	26.501.019.482
Tổng	74.189.870.496	100.809.929.833

5.11 Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay ngắn hạn	340.904.650.714	388.518.134.968
Ngân hàng Xuất nhập khẩu	-	16.478.000.000
Ngân hàng TMCP Phương Đông	7.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội	92.110.983.614	30.054.707.420
Ngân hàng TMCP Kỹ thương	20.940.812.020	19.281.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế	-	21.405.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	3.559.556.195	14.114.556.195
Ngân hàng Công thương Việt Nam	60.069.722.217	104.585.675.466
Ngân hàng Đầu tư & Phát triển	69.690.063.781	71.452.136.252
Ngân hàng Nông nghiệp	23.401.237.064	16.491.608.057
Ngân hàng Liên doanh Việt Lào	16.790.952.236	16.145.260.896
Công ty Mua bán nợ và TS tồn đọng của DN	7.682.575.682	7.682.575.682
Quỹ Hỗ trợ Phát triển	1.453.130.141	1.453.130.141
Vay cá nhân	26.489.589.679	-
Các đối tượng khác	11.716.028.085	66.374.484.859
Nợ dài hạn đến hạn trả	52.702.952.777	32.058.127.815
Tổng	393.607.603.491	420.576.262.783

TÔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.12 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	100.180.840.088	108.706.083.528
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	308.360.692
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.571.002.811	7.906.127.300
Thuế thu nhập cá nhân	1.802.261.222	843.377.585
Thuế tài nguyên	1.973.310.692	1.553.416.951
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	10.728.471.056	2.861.754.082
Các loại thuế khác	1.888.272.103	2.908.717.455
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.259.297.105	512.647.769
Tổng	131.403.455.077	125.600.485.362

5.13 Chi phí phải trả

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí trích trước các công trình	240.592.125.369	111.367.264.139
Chi phí lãi vay phải trả	120.599.557.932	108.269.098.367
Trích trước chi phí phải trả nhà thầu	997.419.620	-
Chi phí trích trước khác	2.746.246.543	3.230.978.281
Tổng	364.935.349.464	222.867.340.787

5.14 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản thừa chờ giải quyết	1.403.087.819	4.474.345.815
Kinh phí công đoàn	7.277.847.442	3.974.964.289
Bảo hiểm xã hội	23.788.339.178	24.078.854.218
Bảo hiểm y tế	3.045.839.054	2.701.606.712
Bảo hiểm thất nghiệp	850.079.044	704.131.044
Phải trả về cổ phần hóa	3.849.890.162	2.940.043.747
Các khoản phải trả, phải nộp khác	233.132.050.568	335.108.082.412
<i>Phải trả cổ tức</i>	<i>6.924.136.726</i>	<i>6.738.644.269</i>
<i>Phải trả các ban, dự án điều hành</i>	<i>-</i>	<i>35.856.189.810</i>
<i>Phải trả BDH dự án Huế - Hải Vân</i>	<i>-</i>	<i>2.000.974.522</i>
<i>Công ty CP XDDV và TM 68</i>	<i>-</i>	<i>2.500.000.000</i>
<i>Tạm ứng</i>	<i>61.475.344.211</i>	<i>70.008.445.161</i>
<i>Các khoản phải trả, phải nộp khác</i>	<i>164.732.569.631</i>	<i>218.003.828.650</i>
Tổng	273.347.133.267	373.982.028.237

5.15 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	31.449.352.960	82.603.508.267
Vay ngân hàng	25.285.496.344	59.160.069.752
Vay các đối tượng khác	6.163.856.616	23.443.438.515
Nợ dài hạn	9.727.559.255	12.004.430.159
Nợ dài hạn khác	9.727.559.255	12.004.430.159
Tổng	41.176.912.215	94.607.938.426

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

MẪU B 09-DN/IN

5.16 Vốn chủ sở hữu

Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu										Đơn vị tính: VND	
Số dư tại 01/01/2011	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của CSH	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn CSH	LN sau thuế chưa phân phối	Quỹ hỗ trợ sắp xếp DN	
	sở hữu	chủ									
Tăng trong năm	177.381.248.450	115.254.900	-	204.684.761	7.549.680.306	996.721.325	372.945.787	222.764.537	10.035.304.625	-	
Tăng vốn trong năm	34.200.000	-	-	-	1.107.312.569	5.135.784.253	1.128.448.390	-	11.267.491.644	4.033.659.068	
Lợi nhuận trong năm	34.200.000	-	-	-	-	3.847.432.351	1.058.472.078	-	-	-	
Danh giá CLTG	-	-	-	-	-	-	-	-	11.228.994.393	-	
Tăng khác	-	-	-	-	1.107.312.569	-	-	-	-	-	
Giảm trong năm	56.407.387.635	-	-	75.554.515	7.542.116.426	(20.873.768.326)	(5.360.334.672)	(9.934.962)	3.258.782.437	4.033.659.068	
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-	-	-	779.111.895	-	
Điều chỉnh khác (*)	32.620.085.028	-	-	-	-	(20.627.390.623)	(5.550.049.743)	-	-	-	
Điều chỉnh do hợp nhất	17.450.124.511	-	-	75.554.515	3.095.470.182	(462.230.342)	147.270.842	(9.934.962)	(1.225.258.263)	-	
Giảm khác	6.337.178.096	-	-	4.446.646.244	4.446.646.244	215.852.639	42.444.229	-	3.704.928.805	-	
Số dư tại 31/12/2011	121.008.060.815	115.254.900	-	129.130.246	1.114.876.449	27.006.273.904	6.861.728.849	232.699.499	18.044.013.832	4.033.659.068	
Số dư tại 01/01/2012	121.008.060.815	115.254.900	-	129.130.246	1.114.876.449	27.006.273.904	6.861.728.849	232.699.499	18.044.013.832	4.033.659.068	
Tăng trong năm	24.711.818.369	-	-	-	-	1.055.090.029	727.367.165	-	(19.908.064.940)	2.641.067.849	
Tăng vốn trong năm	24.711.818.369	-	-	-	-	1.055.090.029	727.367.165	-	-	-	
Điều chỉnh theo K TNN	-	-	-	-	-	-	-	-	(2.576.450.928)	-	
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	(17.823.743.926)	-	
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-	492.129.914	2.641.067.849	
Giảm trong năm	-	-	-	109.774.805	1.114.876.449	23.597.200.487	281.509.771	19.355.441	17.370.715.754	-	
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-	-	-	7.273.671.646	-	
Điều chỉnh theo K TNN và các điều chỉnh khác (*)	-	-	-	-	-	1.401.204.195	102.644.718	-	10.097.044.108	-	
Giảm khác	-	-	-	109.774.805	1.114.876.449	22.195.996.292	178.865.053	19.355.441	-	-	
Số dư tại 31/12/2012	145.719.879.184	115.254.900	-	19.355.441	-	4.464.163.446	7.307.586.243	213.344.058	(19.234.766.862)	6.674.726.917	

(*) : là các điều chỉnh theo Biên bản kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 của Kiểm toán Nhà nước tại một số đơn vị và một số điều chỉnh của một số đơn vị liên quan đến lợi nhuận các năm trước; điều chỉnh giảm số dư đầu kỳ của các chỉ tiêu tại Công ty 875 và Công ty 892.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.17 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng	51.209.182.130	75.777.855.163
Doanh thu xây lắp	1.473.972.337.755	1.545.026.747.936
Doanh thu hoạt động khác	45.933.218.405	50.884.547.524
Doanh thu xây lắp	-	-
Tổng	1.571.114.738.290	1.671.689.150.623
Giảm giá hàng bán	15.813.580.642	2.770.816.164
Doanh thu thuần	1.555.301.157.648	1.668.918.334.459

5.18 Giá vốn hàng bán

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn bán hàng	53.111.264.137	71.441.015.983
Giá vốn xây lắp	1.379.315.887.245	1.454.544.691.111
Giá vốn hoạt động khác	29.780.447.926	38.582.387.312
Tổng	1.462.207.599.308	1.564.568.094.406

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.760.929.932	3.621.014.659
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(815.759.220)	(2.113.054.695)
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	7.974.448.965	17.484.729.432
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	2.503.678.871	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	6.083.721.462	10.516.004.092
Tổng	26.507.020.010	29.508.693.488

5.20 Chi phí tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí lãi vay	74.104.012.734	24.180.826.956
Lãi bán hàng trả chậm	4.369.585.909	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	441.074.648	4.632.488.635
Chi phí hoạt động tài chính khác	406.788.681	1.275.358.802
Tổng	79.321.461.972	30.088.674.393

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/TIN

5.21 Thu nhập khác

	Năm 2012 VND
Thu tiền xuất bán vật tư	2.591.658.238
Bảo hiểm thanh toán bồi thường	983.761.203
Thu cho thuê tài sản, nhà, vận chuyển	2.682.394.056
Thu thanh lý TSCĐ	17.252.691.331
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	162.942.371
Xử lý công nợ	15.922.593.446
Thu nhập khác	14.288.009.130
Tổng	53.884.049.775

5.22 Chi phí khác

	Năm 2012 VND
Phạt + Lãi chậm nộp bảo hiểm	2.777.174.633
Chi phí thực hiện hợp đồng	152.065.000
Tiền thuê đất	303.555.928
Kết chuyển chi phí các năm trước	10.105.095.884
Chi phí lãi vay năm trước	1.022.612.232
Xử lý công nợ	3.820.237.904
Giá trị còn lại của TSCĐ	7.329.007.821
Chi phí khác	13.892.348.829
Tổng	39.402.098.231

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	164.841.944.745	96.921.734.650
Đầu tư ngắn hạn	3.399.333.424	7.810.033.271
Phải thu khách hàng và phải thu khác	762.217.391.027	611.494.601.273
Đầu tư dài hạn khác	21.030.380.006	19.797.706.506
Cộng	951.489.049.202	736.024.075.700
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	434.784.515.706	515.184.201.209
Phải trả người bán và phải trả khác	759.879.511.953	867.905.214.065
Chi phí phải trả	364.935.349.464	222.867.340.787
Cộng	1.559.599.377.123	1.605.956.756.061

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty phát sinh các giao dịch có gốc ngoại tệ ít do đó, Tổng Công ty không có rủi ro về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty không phát sinh các khoản vay chịu lãi suất, do đó Tổng Công ty không có rủi ro lãi suất.

Rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ cho mục đích chiến lược lâu dài.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường (Tiếp theo)***Rủi ro tín dụng*

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu chủ yếu là của các khách hàng luân chuyển liên tục và thường xuyên đối chiếu công nợ.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

Khoản mục	Dưới 1 năm	Từ 1 năm - 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH			
31/12/2012			
Các khoản vay	393.607.603.491	41.176.912.215	434.784.515.706
Phải trả người bán và phải trả khác	754.376.494.202	5.503.017.751	759.879.511.953
Chi phí phải trả	364.935.349.464	-	364.935.349.464
Cộng	1.512.919.447.157	46.679.929.966	1.559.599.377.123
01/01/2012			
Các khoản vay	420.576.262.783	94.607.938.426	515.184.201.209
Phải trả người bán và phải trả khác	862.432.952.591	5.472.261.474	867.905.214.065
Chi phí phải trả	222.867.340.787	-	222.867.340.787
Cộng	1.505.876.556.161	100.080.199.900	1.605.956.756.061

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 8

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT(TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.1 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Khoản mục	Dưới 1 năm VND	Từ 1 năm - 5 năm VND	Tổng VND
TÀI SẢN TÀI CHÍNH			
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	164.841.944.745	-	164.841.944.745
Đầu tư ngắn hạn	3.399.333.424	-	3.399.333.424
Phải thu khách hàng và phải thu khác	761.799.534.300	417.856.727	762.217.391.027
Đầu tư dài hạn khác	-	21.030.380.006	21.030.380.006
Cộng	930.040.812.469	21.448.236.733	951.489.049.202
01/01/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.921.734.650	-	96.921.734.650
Đầu tư ngắn hạn	7.810.033.271	-	7.810.033.271
Phải thu khách hàng và phải thu khác	611.322.103.807	172.497.466	611.494.601.273
Đầu tư dài hạn khác	-	19.797.706.506	19.797.706.506
Cộng	716.053.871.728	19.970.203.972	736.024.075.700

6.2 Số liệu so sánh

Báo cáo tài chính cho năm tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Tổng Công ty đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập.

Hà Nội ngày 15 tháng 5 năm 2013

Người lập

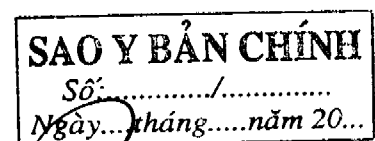
Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Vinh Hưng

Nguyễn Văn Thành

Vũ Hải Thanh



TL. TỔNG GIÁM ĐỐC
CHÁNH VĂN PHÒNG
Lê Thị An Hải

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Số: 1761/QĐ-BGTVT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 25 tháng 6 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22/4/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị định số 111/2007/NĐ-CP ngày 26/6/2007 của Chính phủ về tổ chức, quản lý tổng công ty nhà nước và chuyển đổi tổng công ty nhà nước, công ty nhà nước độc lập, công ty mẹ là công ty nhà nước theo hình thức công ty mẹ - công ty con hoạt động theo Luật Doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 25/2010/NĐ-CP ngày 19/3/2010 của Chính phủ về chuyển đổi công ty nhà nước thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Quyết định số 177/QĐ-TTg ngày 29/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt kế hoạch điều chỉnh tiến độ sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thuộc Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Công văn số 1065/TTg-ĐMDN ngày 23/6/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc triển khai thực hiện Nghị định số 25/2010/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định số 1760/QĐ-BGTVT ngày 25/6/2010 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Phê duyệt phương án chuyển Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8 sang tổ chức và hoạt động theo hình thức công ty mẹ - công ty con;

Xét đề nghị của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8 (Tờ trình số 584/TT-TCT8 ngày 23/6/2010), Đề án chuyển đổi Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8 sang tổ chức và hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con và Biên bản thẩm định của Ban Chỉ đạo đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Bộ Giao thông vận tải ngày 25/6/2010;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8 trên cơ sở tổ chức lại cơ quan quản lý điều hành của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8, các chi nhánh, đơn vị hạch toán phụ thuộc, đơn vị sự nghiệp.

1. Công ty mẹ - Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8 là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, có tư cách pháp nhân, con dấu, biểu tượng, Điều lệ tổ chức và hoạt động; được mở tài khoản tại các ngân hàng và Kho bạc Nhà nước; có trách nhiệm kế thừa các quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp và xử lý những vấn đề tồn tại và phát sinh của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8 trước khi chuyển đổi; trực tiếp thực hiện hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vốn vào các công ty con, công ty liên kết; chịu trách nhiệm bảo toàn và phát triển vốn nhà nước tại Công ty mẹ và vốn đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết.

2. Tên gọi: **Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8**

- Tên giao dịch quốc tế: **CIVIL ENGINEERING CONSTRUCTION CORPORATION 8**

- Tên viết tắt: **CIENCO8**

3. Trụ sở chính: Số 18 phố Hồ Đắc Di, Phường Quang Trung, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

4. Vốn điều lệ tạm tính tại thời điểm 31/12/2009 là: 179.983.705.412 đồng (*Một trăm bảy mươi chín tỷ, chín trăm tám mươi ba triệu, bảy trăm lẻ năm nghìn, bốn trăm mười hai đồng*).

Đến thời điểm đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính trình Bộ Giao thông vận tải xem xét, phê duyệt, làm cơ sở để điều chỉnh vốn điều lệ.

5. Ngành nghề kinh doanh chính:

- Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng, thủy lợi, quốc phòng, điện; sản xuất vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, đồ mộc, sửa chữa phương tiện, thiết bị thi công;
- Xuất nhập khẩu trực tiếp và kinh doanh vật tư thiết bị giao thông vận tải, thiết bị công nghệ tin học;
- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông;
- Kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, dịch vụ du lịch, văn phòng làm việc;
- Kinh doanh vật tư thiết bị y tế, dịch vụ khám chữa bệnh, điều dưỡng;
- Đào tạo kỹ thuật và nghiệp vụ;
- Vận chuyển khách du lịch, taxi;
- Đại lý kinh doanh xăng, dầu, mỡ nhờn;
- Lắp ráp xe máy; lắp ráp và bảo trì thang máy; sản xuất, lắp ráp ác quy các loại;
- Mua, bán thiết bị truyền thông, truyền hình;

- Xuất khẩu lao động;
- Sản xuất, lắp ráp động cơ diesel;
- Sản xuất, lắp ráp động cơ, khung và phụ tùng xe máy;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh nhà đất;
- Đầu tư các công trình, dự án giao thông theo hình thức BOT;
- Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng và kiến trúc các cụm dân cư, đô thị mới;
- Đào tạo lái xe ô tô;
- Khảo sát địa chất công trình; Khảo sát trắc địa và thiết kế công trình cầu, đường bộ; thẩm định thiết kế kỹ thuật thi công và thẩm định tổng dự toán công trình xây dựng;
- Thiết kế và giám sát công trình thủy lợi;
- Thiết kế và giám kết cấu các công trình xây dựng công nghiệp, dân dụng;
- Thí nghiệm vật liệu xây dựng; kiểm định chất lượng công trình;
- Thẩm định dự án đầu tư các công trình xây dựng giao thông, công nghiệp, dân dụng.

6. Cơ cấu tổ chức quản lý của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8 gồm: Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và Kiểm soát viên.

7. Mối quan hệ giữa Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8 với chủ sở hữu nhà nước và với các công ty con, công ty liên kết được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty.

8. Cơ cấu tổ chức của Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8 tại thời điểm thành lập gồm:

- Các phòng, ban tham mưu giúp việc;
- Các Ban điều hành dự án;
- Chi nhánh Đào tạo và Xuất khẩu lao động;
- Công ty Vật tư và Xây dựng công trình;
- Trung tâm Đào tạo và Bồi dưỡng kỹ thuật nghiệp vụ 8;
- Trung tâm Y tế giao thông 8.

9. Các công ty con gồm:

a) Công ty TNHH một thành viên do Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8 nắm giữ 100% vốn điều lệ, gồm:

- Công ty TNHH một thành viên Xây dựng cầu 75;
- Công ty TNHH một thành viên Xây dựng công trình giao thông 829;
- Công ty TNHH một thành viên Xây dựng công trình giao thông 892;

- Công ty TNHH một thành viên Xây dựng công trình giao thông 875;

b) Công ty cổ phần:

- Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 810;
- Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 820;
- Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 842;
- Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 873;
- Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng công trình giao thông 874;
- Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 889;
- Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông Việt Lào;
- Công ty cổ phần Tư vấn Xây dựng giao thông 8;
- Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng công trình 809 - Cienco8.

10. Các công ty liên kết gồm:

- Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 838;
- Công ty cổ phần Xây dựng công trình giao thông 872;
- Công ty cổ phần Xây dựng Miền Tây;
- Công ty cổ phần Quan hệ quốc tế, Đầu tư sản xuất;
- Công ty cổ phần Xây dựng Thương mại và Đào tạo 8;
- Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng 808;
- Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 818 - Cienco8;
- Công ty cổ phần Đầu tư và Thương mại 819 - Cienco8;
- Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ xây dựng 868;
- Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại 886;
- Công ty cổ phần Đầu tư và Xây dựng 898 - Cienco8;
- Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và Thương mại Hà Thành;
- Công ty TNHH Công trình Miền Trung.

Điều 2. Tổ chức được Nhà nước phân công, phân cấp là chủ sở hữu: Bộ Giao thông vận tải.

Địa chỉ: Số 80 Phố Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Chủ sở hữu thực hiện các quyền, nghĩa vụ đối với Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8 theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Tổng công ty.

Điều 3. Hội đồng thành viên Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8 có trách nhiệm:

1. Tiếp nhận và sử dụng có hiệu quả vốn, tài sản do chủ sở hữu giao để thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất kinh doanh.

2. Chỉ đạo tổ chức đăng ký kinh doanh, thực hiện chuyển đổi, làm thủ tục đăng ký lại quyền sở hữu tài sản theo đúng quy định của pháp luật.

3. Xây dựng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng công ty, trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

4. Thực hiện kế hoạch cổ phần hóa các doanh nghiệp thành viên và Tổng công ty theo Quyết định số 177/QĐ-TTg ngày 29/01/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Trưởng ban Ban Chỉ đạo đổi mới và Phát triển doanh nghiệp Bộ Giao thông vận tải, Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, Vụ trưởng các Vụ thuộc Bộ Giao thông vận tải, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8, Hội đồng thành viên Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. *th*

Nơi nhận: *✓*

- Như Điều 4;
- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- PTT Nguyễn Sinh Hùng (để b/c);
- Ban CDDM&PTDN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ trưởng;
- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Các Bộ: KH&ĐT, Tài chính;
- LĐ-TB & XH. Nội vụ;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;
- UBND Tp Hà Nội;
- Công đoàn GTVT Việt Nam;
- Lưu: VT, TC, TCCB (Thư).



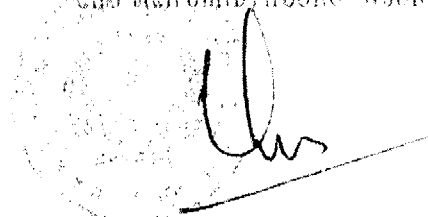
BỘ TRƯỞNG

Chứng thực bản sao
đúng với bản chính.

01-00-2012

Số: 177/2010/QĐ-TTg
CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG PHƯƠNG MẠI

Hồ Nghĩa Dũng



Số: 02/2013/UQ/CPAVIETNAM
Ngày 02 tháng 01 năm 2013**GIẤY ỦY QUYỀN***(Về việc ký hợp đồng cung cấp các dịch vụ chuyên ngành)*

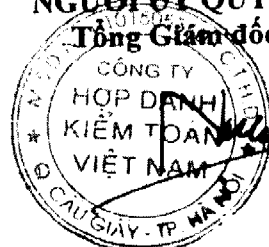
- Căn cứ Bộ Luật Dân sự nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.
- Căn cứ Điều lệ Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) và các sửa đổi, bổ sung đến thời điểm hiện tại.
- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc trong Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM)

Tôi tên là **Nguyễn Phú Hà - Tổng Giám đốc**, Số chứng minh thư nhân dân: 012435891 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/01/2002, là người đại diện theo pháp luật của Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam, địa chỉ: Số 17 Lô 2C, Khu đô thị Trung Yên - Phường Yên Hòa - Quận Cầu Giấy - Hà Nội. Bằng văn bản này Ủy quyền cho: Ông **Nguyễn Quế Dương - Phó Tổng Giám đốc Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam**, Số chứng minh thư nhân dân: 012064770 do Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/4/2012, thực hiện ký tất cả các hợp đồng cung cấp dịch vụ chuyên ngành, cụ thể như sau:

- Ký hợp đồng kiểm toán, soát xét Báo cáo tài chính, tư vấn thuế, tư vấn tài chính có giá trị phí kiểm toán từ 800 triệu đồng trở xuống;
- Ký hợp đồng xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa có giá trị phí từ 400 triệu đồng trở xuống;
- Ký hợp đồng kiểm toán quyết toán vốn đầu tư xây dựng có giá trị phí kiểm toán từ 500 triệu đồng trở xuống;
- Và các hợp đồng kinh tế khác có giá trị từ 250 triệu đồng trở xuống.

Người được Ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi Ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam. Ông **Nguyễn Quế Dương** chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do mình thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực từ ngày 02 tháng 01 năm 2013 đến khi có Ủy quyền khác thay thế Ủy quyền này. Giấy ủy quyền này được lập thành 05 bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ 01 bản, người được ủy quyền giữ 01 bản, 03 bản lưu tại bộ phận Văn thư lưu trữ của Công ty.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN
Phó Tổng Giám đốc**Nguyễn Quế Dương****NGƯỜI ỦY QUYỀN**
Tổng Giám đốc**Nguyễn Phú Hà**